

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 12-4-2022

*“Về việc tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình; ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 12-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2021/TLST - DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 đối với “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 23-3-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm D, sinh năm 1940 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1975. (có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của chị N: anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1971; theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2022.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị C (vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm D trình bày: Ngày 02-8 không ghi năm, ông cho anh Đ vay số tiền 60.000.000đ tiền gốc, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn vay 01 năm, hai tháng trả lãi một lần và cam kết chịu hậu quả. Đến hạn, anh Đ không trả tiền nên ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Ngày 20/9/2021 ông có đơn tố giác đến Ủy ban nhân dân và công an xã và gửi kèm cho anh Đ nhưng anh Đ đều im lặng. Nay ông khởi kiện đòi anh Đ trả ông số tiền gốc 60.000.000đ, tiền lãi tính từ 02/8/2020 đến 02/11/2021 là 15 tháng = 720.000đ/tháng x 15 tháng = 10.800.000đ. Tổng gốc là lãi 70.800.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Ngô Văn Đ trình bày: Ngày 02/8/2016 anh Đ vay của ông D số tiền 60.000.000^d. Khoảng 6 tháng sau anh đã trả ông D cả gốc và lãi; ngày 24/8/2017 anh vay tiếp số tiền 100.000.000^d lãi suất 1%/tháng, anh là người viết giấy vay tiền, ngày 15/12/2017 đã trả xong tiền gốc và lãi, cùng ngày 15/12/2017, anh vay ông D số tiền 50.000.000^d đến ngày 18/12/2017 vay thêm số tiền 30.000.000^d, tổng số 80.000.000^d lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, anh có viết giấy vay tiền. Ngày 07/6/2019 chị N, vợ anh Đ mang đến trả ông D 80.000.000^d tiền gốc và 800.000^d tiền lãi tháng cuối vì lãi hàng tháng ông D đều lĩnh đủ lãi nên chỉ trả lãi tháng cuối, sau khi thanh toán xong chị N còn dặn từ nay ông không cho anh Đ vay nữa, các giấy vay tiền đều do ông D lưu giữ. Anh Đ thừa nhận có vay của ông D số tiền 60.000.000^d từ ngày 02/8/2016 bản chính giấy vay tiền ngày 02/8 không ghi năm do ông D giao nộp đúng là chữ ký, chữ viết của anh, không yêu cầu giám định. Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D vì anh đã trả nợ xong. Tòa án đã yêu cầu anh giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền nhưng anh Đ không giao nộp được tài liệu chứng cứ trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn: Chị Phạm Thị N trình bày: Chị là vợ anh Đ, chị công nhận vợ chồng chị có vay tiền của ông D làm nhiều lần nhưng đã trả xong, vì tin tưởng nên các lần trả nợ đều không lấy giấy xác nhận đã trả nợ xong của ông D. Giấy vay tiền ngày 02/8 đúng là chữ viết của anh Đ, nhưng vay từ năm 2016 chứ không phải vay từ năm 2020. Các khoản anh Đ vay tiền ông D chị đều biết và để chi tiêu, phát triển kinh tế chung trong gia đình nhưng anh chị đã trả nợ xong cho ông D. Tòa án yêu cầu chị giao nộp chứng cứ chứng minh đã trả tiền ông D nhưng chị không giao nộp được. Chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D.

Người làm chứng: bà Bùi Thị C (vợ ông D) có văn bản trình bày ý kiến xác định việc khởi kiện của ông D đối với vợ chồng anh chị N Đ không liên quan đến bà.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày và thống nhất thời gian vay là ngày 02/8/2016.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán; hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa; các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Ngô Xuân Đ và chị Phạm Thị N phải trả ông Phạm D số tiền gốc 60.000.000^d, không chấp nhận yêu cầu trả lãi vì hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các Điều 116; 117; 119; 385; 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Anh Đ và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/QH và Luật án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định.

[1] Về Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng và xác định người tham gia tố tụng: Ông Phạm D là người cao tuổi thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí, Tòa án đã hướng dẫn ông D đến trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương để liên hệ mời trợ giúp viên pháp lý tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông nhưng ông D từ chối. Như vậy mọi quyền lợi của ông D đã Đ bảo.

Anh Đ và chị N thừa nhận các khoản vay tiền của ông D đều sử dụng chi tiêu chung trong gia đình. Xác định chị N vợ anh Đ tham gia tố tụng với tư cách là người có nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa chị N có mặt và tiếp tục ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng. Bà C, vợ ông D có văn bản xác nhận không liên quan đến khoản tiền ông D cho anh chị Đ N vay, do vậy không xác định bà C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện ông D yêu cầu anh chị Đ Nhung trả số tiền gốc 60.000.000^d, lãi theo thỏa thuận tính đến thời điểm khởi kiện, tổng số tiền gốc và lãi 70.800.000^d. Kèm theo đơn khởi kiện ông D giao nộp được bản chính giấy vay tiền có nội dung ghi: **2/8 cháu Đ vay ông D số tiền = 60.000.000đ lãi suất = 1,2-tháng, thời gian vay = 1 năm, hai tháng trả lãi một lần, cháu phải chịu trách nhiệm mọi hậu quả.** (BL45) **phía dưới có chữ ký của anh Đ.** Anh Đ, chị N công nhận giấy vay tiền trên đúng là chữ ký, chữ viết của anh Đ và không yêu cầu giám định.

Xét thấy: Nguyên đơn ông D giao nộp bản chính giấy vay tiền ghi ngày 02/8 nhưng không ghi năm. Bị đơn và người có quyền lợi liên quan về phía bị đơn thừa nhận bản chính giấy vay tiền đúng là chữ ký chữ viết của anh Đ, thời gian vay từ năm 2016 chứ không phải vay từ năm 2020 và đã trả nợ xong. Với mức lãi suất các đương sự thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền 1,2%/tháng ($1,2\%/tháng = 14,6\%/năm$) không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa ông D và anh Đ thống nhất thời gian vay từ ngày 02/8/2016, kể từ khi vay đến nay hai bên không có thỏa thuận nào khác, bị đơn anh Đ đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Căn cứ mốc thời gian vay từ 2/8/2016 đến thời điểm khởi kiện tháng 11/2021 đã trên 05 năm, đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) không xem xét đối với hợp đồng vay tài sản, do đó yêu cầu trả lãi phát sinh của ông D không được chấp nhận. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là *yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu* thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự. Ông D đã giao nộp được bản chính giấy vay tiền ngày 02/8. Anh Đ và chị N thừa nhận có vay số tiền trên nhưng không giao nộp được chứng cứ chứng minh đã trả nợ xong. Buộc anh chị N Đ phải trả ông D số tiền gốc 60.000.000^d(*Sáu mươi triệu đồng*)

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 155 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; Các điều 357, 429, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm D.

[2]. Buộc anh Ngô Văn Đ và chị Phạm Thị N phải trả nợ cho ông Phạm D số tiền gốc: 60.000.000^d (*Sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Buộc anh Ngô Văn Đ và chị Phạm Thị N phải chịu số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/4/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã V
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU HOÀI